

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008**

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 - DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 - DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 - DN)	11

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Số 4703000375 đăng ký lần đầu ngày 6 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 22 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản Trị

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch
Bà Viên Diệu Hoa	Thành Viên
Ông Lương Đình Quang	Thành Viên
Ông Cheah Kim Teck	Thành Viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Bá Dương	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám Đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Trần Bá Dương	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Trụ sở chính

Số 19, Đường 2A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Ô Tô Trường Hải ("Công ty") và các Công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của niên độ kết thúc vào ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, ban giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 39. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của niên độ kết thúc ở ngày đó phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Bá Dương
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 31 tháng 7 năm 2009

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ôtô Trường Hải (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”) gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và bảng tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu cùng các thuyết minh.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.


Ý kiến

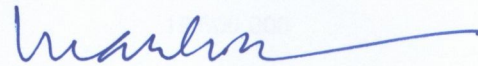
Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho niên độ kết thúc tại ngày này đã được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán của họ đề ngày 31 tháng 3 năm 2008 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính hợp nhất đó.




Ian S. Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Chữ ký được ủy quyền



Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM2326
Ngày 31 tháng 7 năm 2009

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2008 1.000 đồng	2007 Trình bày lại – Thuyết minh 2.3 1.000 đồng
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.900.416.217	1.544.058.452
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	67.588.388	120.402.545
111	Tiền		56.996.388	120.402.545
112	Các khoản tương đương tiền		10.592.000	-
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4(a)	19.600.000	-
121	Đầu tư ngắn hạn		19.600.000	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		531.222.551	477.426.492
131	Phải thu khách hàng	5	342.863.795	249.942.070
132	Trả trước cho người bán	6	136.082.368	204.510.451
135	Các khoản phải thu khác	7	53.662.469	22.973.971
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.386.081)	-
140	Hàng tồn kho	8	1.230.972.461	881.321.351
141	Hàng tồn kho		1.256.715.522	881.321.351
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(25.743.061)	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		51.032.817	64.908.064
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		5.631.580	2.047.362
152	Thuế GTGT được khấu trừ		19.832.683	35.349.195
154	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	9	7.413.638	186.898
158	Tài sản ngắn hạn khác		18.154.916	27.324.609

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
		2008 1.000 đồng	2007 Trình bày lại – Thuyết minh 2.3 1.000 đồng
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	2.109.820.525	1.137.374.878
210	Các khoản phải thu dài hạn	-	12.500
218	Phải thu dài hạn khác	-	12.500
220	Tài sản cố định	1.722.898.372	987.987.233
221	Tài sản cố định hữu hình	1.008.603.549	302.360.322
222	Nguyên giá	1.185.114.862	396.250.178
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(176.511.313)	(93.889.856)
227	Tài sản cố định vô hình	417.954.897	281.653.046
228	Nguyên giá	422.885.276	285.250.476
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(4.930.379)	(3.597.430)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	296.339.926	403.973.865
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	333.176.903	110.769.787
252	Đầu tư vào công ty liên doanh	1.084.593	-
258	Đầu tư dài hạn khác	344.837.768	110.769.787
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(12.745.458)	-
260	Tài sản dài hạn khác	53.745.250	38.605.358
261	Chi phí trả trước dài hạn	24.201.044	38.170.319
268	Tài sản dài hạn khác	1.179.699	435.039
269	Lợi thế thương mại	28.364.507	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	4.010.236.742	2.681.433.330

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

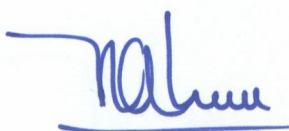
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2008 1.000 đồng	31.12.2007 Trình bày lại – Thuyết minh 2.3 1.000 đồng
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.330.868.110	1.416.499.511
310	Nợ ngắn hạn		1.260.602.593	1.312.348.559
311	Vay và nợ ngắn hạn	13(a)	936.180.100	914.975.433
312	Phải trả người bán	14	194.224.106	184.610.421
313	Người mua trả tiền trước		4.993.042	33.660.745
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	56.969.420	79.848.188
315	Phải trả người lao động		2.919.932	2.357.599
316	Chi phí phải trả	17	21.385.668	19.331.525
319	Các khoản phải trả khác	18	39.088.141	77.564.648
320	Dự phòng các tài sản ngắn hạn	15	4.842.184	-
330	Nợ dài hạn		70.265.517	104.150.952
333	Phải trả dài hạn khác		71.527	-
334	Vay và nợ dài hạn	13(b)	69.304.718	104.026.877
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		889.272	124.075
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.629.685.793	1.225.040.802
410	Vốn chủ sở hữu		2.611.769.248	1.225.282.269
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20	940.395.610	680.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	1.482.235.836	373.500.000
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21	189.137.802	171.782.269
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác		17.916.545	(241.467)
431	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	17.916.545	(241.467)
500	Lợi ích của cổ đông thiểu số		49.682.839	39.893.017
510	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.010.236.742	2.681.433.330

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 72.753 đô la Mỹ (2007: 973.941 đô la Mỹ).



Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 7 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 02 - DN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Niên độ kết thúc ngày	
			31.12.2008 1.000 đồng	31.12.2007 Trình bày lại – Thuyết minh 2.3 1.000 đồng
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.087.777.960	2.688.017.160
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(78.691.733)	(24.575.858)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25(a)	4.009.086.227	2.663.441.302
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	26	(3.337.558.611)	(2.177.596.052)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		671.527.616	485.845.250
21	Doanh thu hoạt động tài chính	25(b)	18.354.548	6.126.621
22	Chi phí tài chính	27	(217.181.437)	(79.253.782)
24	Chi phí bán hàng	28	(151.300.240)	(86.078.774)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(104.444.781)	(59.804.896)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		216.955.706	266.834.419
40	Lợi nhuận khác	30	9.227.223	3.219.897
45	Phần lỗ được chia từ công ty liên doanh		(273.809)	-
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		225.909.120	270.054.316
51	Chi phí thuế TNDN - hiện hành	31	(9.449.147)	(9.865.166)
52	Chi phí thuế TNDN - hoãn lại	19	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế		216.459.973	260.189.150
70	Lợi ích cổ đông thiểu số		8.111.308	21.271.128
71	Lãi thuần sau thuế		208.348.665	238.918.022
72	Lãi trên cổ phiếu		2.580	4.766



Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 7 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Niên độ kết thúc ngày	
			31.12.2008 1.000 đồng	31.12.2007 1.000 đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		225.909.120	270.054.316
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		81.891.453	33.977.566
03	Các khoản dự phòng		39.874.600	99.160
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	27	22.467.564	603.432
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.562.027)	(1.810.738)
06	Chi phí lãi vay		125.253.156	75.194.930
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		487.833.866	378.118.666
09	Tăng các khoản phải thu		(177.129.186)	(252.825.184)
10	Tăng hàng tồn kho		(375.394.172)	(266.869.234)
11	Tăng các khoản phải trả		12.670.236	272.752.023
12	Giảm/(tăng) các chi phí trả trước		10.385.056	(30.640.389)
13	Tiền lãi vay đã trả		(135.175.425)	(74.001.045)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(13.019.685)	(4.652.587)
15	Các khoản thu khác từ hoạt động kinh doanh		107.344	105.450.030
16	Các khoản chi khác từ hoạt động kinh doanh		(7.795.937)	(81.127.796)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(197.517.903)	46.204.484
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(771.314.646)	(536.445.574)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		274.273	10.031.972
23	Tiền chi cho vay các đơn vị khác		(21.200.000)	(15.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		1.600.000	15.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(113.506.504)	(28.695.632)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	3.082.555
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.239.882	1.891.160
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(883.906.995)	(550.135.519)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		1.307.423.720	604.297.572
33	Tiền vay nhận được		2.952.899.039	2.179.322.048
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.124.859.125)	(2.114.484.876)
36	Cổ tức đã trả	22	(106.858.494)	(84.741.480)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		1.028.605.140	584.393.264
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(52.819.758)	80.462.229
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	120.402.545	40.544.325
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ		5.601	(604.009)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	67.588.388	120.402.545

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Các nghiệp vụ quan trọng không sử dụng tiền mặt trong năm 2008 bao gồm:

	1.000 đồng
Các khoản đầu tư được tài trợ bởi một khoản vay – Thuyết minh 13(a)	142.000.000
Chuyển cổ tức được chia thành vốn góp – Thuyết minh 22	63.290.668
Mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản và các tài sản dài hạn khác	39.074.477

Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 7 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008**
1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ôtô Trường Hải ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 6 tháng 4 năm 2007.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có 17 công ty con sau:

Stt	Tên giao dịch	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu
1	Cty TNHH SX & LR Ôtô Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất ô tô	91.30%
2	Cty TNHH SX&LR Ôtô Du Lịch Trường Hải – KIA	Sản xuất ô tô	100.00%
3	Công ty TNHH MTV SX & Lắp Ráp Ô Tô An Thành Phát	Sản xuất xe ô tô	100.00%
4	Cty TNHH Vận Tải Biển Chu Lai - Trường Hải	Dịch vụ vận tải biển	95.00%
5	Cty TNHH MTV Vận Tải- Giao Nhận- Phân Phối Ôtô Chu Lai Trường Hải	Phân phối ô tô	100.00%
6	Cty TNHH MTV ĐTPT Hạ Tầng KCN & Đô Thị Chu Lai Trường Hải	Hạ tầng KCN	100.00%
7	Cty TNHH MTV Sản Xuất Ôtô Chuyên Dụng Trường Hải	Sản xuất cơ khí	100.00%
8	Cty TNHH Thương Mại Sản Xuất Diệu Bằng	Kinh doanh thương mại	100.00%
9	Cty TNHH Một Thành Viên Phụ Tùng Trường Hải	Kinh doanh phụ tùng ô tô	100.00%
10	Cty TNHH MTV Cơ Khí Chuyên Dụng Bắc Bộ Trường Hải	Sản xuất cơ khí	100.00%
11	Cty TNHH Thái Nguyên Trường Hải	Kinh doanh ô tô	75.00%
12	Cty TNHH Vũng Tàu Trường Hải	Kinh doanh ô tô	51.00%
13	Cty TNHH MTV SX Khung gầm Thùng xe Chu Lai Trường Hải	Sản xuất cơ khí	100.00%
14	Cty TNHH Thương Mại Vỏ Xe Triều Hải	Kinh doanh thương mại	75.00%
15	Cty Liên Doanh Việt – Gemphil	Sản xuất keo	100.00%
16	Cty TNHH Trường Hải Đào Dương	Kinh doanh ô tô	51.00%
17	Cty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Chu Lai 624	Xây dựng	51.00%

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp ô tô tải, ô tô khách;
- Sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt dây chuyền sản xuất công nghiệp;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Mua bán xe ô tô và xe có động cơ(cũ và mới);
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe có động cơ;
- Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ;
- Mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; máy đào đất, giàn giáo di động, thiết bị đốn gỗ và cần cẩu trong xây dựng;
- Đại lý môi giới đầu giá;
- Vận tải ven biển và viễn dương;
- Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Dạy nghề cho công nhân; và
- Kinh doanh trung tâm thương mại, khách sạn, nhà hàng ăn uống.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có 2.393 nhân viên (2007: 3.759 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất**

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn thảo dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Hợp nhất báo cáo

Năm 2008, Tập đoàn soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

2.2 Hợp nhất báo cáo (tiếp theo)***Công ty con (tiếp theo)***

Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần nhỏ hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian mười năm.

Đối với việc hợp nhất kinh doanh liên quan tới các doanh nghiệp cùng dưới một sự kiểm soát chung, các tài sản đem trao đổi và các khoản nợ phải trả hoặc đã nợ tiềm tàng đã thừa nhận được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi, không tính đến phạm vi quyền lợi cổ đông thiểu số. Chênh lệch giữa số tiền đã trả ra để mua với giá trị ghi sổ tổng hợp của tài sản và nợ phải trả của bên bị mua được ghi nhận giảm thặng dư vốn cổ phần. Không có lợi thế thương mại nào được tạo ra từ việc hợp nhất kinh doanh của các doanh nghiệp cùng dưới sự kiểm soát chung.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cung thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

Liên doanh và các bên liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu heo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh, liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

2.3 Trình bày lại báo cáo tài chính hợp nhất năm trước

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Tập đoàn đã không loại trừ lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho được một công ty con bán cho công ty mẹ nhưng công ty mẹ chưa bán cho bên thứ ba tại ngày này. Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 29 - thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và sai sót, Tập đoàn đã điều chỉnh lại số liệu so sánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất để làm tăng giá vốn hàng bán và giảm lợi nhuận gộp của năm 2007 số tiền là 5.902.850 ngàn đồng Việt Nam và giảm hàng tồn kho và lợi nhuận chưa phân phối một khoản tương ứng tại ngày 31 tháng 12 năm 2007.

2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo ngàn đồng Việt Nam.

2.6 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty và các công ty con sử dụng phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị của hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn khi so giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định theo cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên các cấp độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí hoàn tất và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết.

2.10 Kế toán các khoản đầu tư**(a) Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán và các khoản đầu tư được giữ lại với ý định để bán trong vòng 12 tháng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư ngắn hạn được hạch toán ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn được lập khi giá gốc của các khoản đầu tư cao hơn giá trị hợp lý.

2.10 Kế toán các khoản đầu tư (tiếp theo)*(b) Đầu tư dài hạn*

- (i) Tiền gửi ngân hàng dài hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán và được hạch toán theo giá gốc.
- (ii) Đầu tư trái phiếu được phân loại là đầu tư dài hạn với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư trái phiếu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng được lập khi có bằng chứng giảm giá dài hạn của chứng khoán hoặc trong trường hợp Tập đoàn không thể thu hồi khoản đầu tư.
- (iii) Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỷ lệ nắm giữ dưới 20% tại các đơn vị đã niêm yết hoặc chưa niêm yết mà không dự tính bán trong vòng 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được lập khi có sự giảm sút giá trị của các khoản đầu tư này.

2.11 Tài sản cố định*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính. Thời gian sử dụng ước tính của nhóm tài sản cố định:

Thời gian hữu dụng ước tính

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm
Phần mềm, bằng phát minh sáng chế	3 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong số năm phù hợp với từng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến niên độ kế toán tiếp theo và các khoản chi này sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất của các niên độ kế toán sau.

2.13 Chi phí vay

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.14 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

(b) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.15 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực có thể sử dụng được những chênh lệch tạm thời để tính vào lợi nhuận chịu thuế có thể có được trong tương lai.

2.16 Chia cổ tức

Phần cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được các cổ đông phê chuẩn.

2.17 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.18 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.19 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động căn cứ vào khoảng thời gian làm việc cho Công ty tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Khoản dự phòng được tính bằng nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc của người lao động tại Công ty, dựa trên mức lương tính bảo hiểm xã hội tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Tiền mặt	3.886.743	9.934.396
Tiền gửi ngân hàng	52.653.397	109.775.855
Tiền đang chuyển	456.248	692.294
Các khoản tương đương tiền (*)	10.592.000	-
	67.588.388	120.402.545

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tính từ ngày gửi.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Tùng	4.100.000	-
Ông Nguyễn Phi Kha	15.500.000	-
	19.600.000	-

Các khoản đầu tư trên là các khoản cho vay ngắn hạn có tính lãi theo lãi suất cho vay cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

		2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Đầu tư vào công ty liên doanh		1.084.593	-
Đầu tư dài hạn khác	(i)	344.712.768	110.769.787
Tiền gửi dài hạn tại Ngân hàng		125.000	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(ii)	(12.745.458)	-
		333.176.903	110.769.787

(i) Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư bằng hình thức mua cổ phần của bên thứ ba, bao gồm:

Tên Công ty	2008 1.000 đồng	Số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ	Giá trung bình mỗi cổ phiếu 1.000 đồng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) (*)	27.212.550	786.255	35
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á	62.500.218	2.500.000	25
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Vật Tư Thiết Bị (MESCO) (**)	255.000.000	31.453	8.107
	344.712.768		

(*) Công ty đã ủy quyền bà Viên Diệu Hoa – thành viên Hội đồng Quản trị đứng tên trên cổ phiếu của Sacombank. Tại ngày lập báo cáo hợp nhất này, Ban lãnh đạo Công ty đang xúc tiến các thủ tục chuyển tên toàn bộ số cổ phiếu này sang tên Công ty.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã ký kết các hợp đồng và thanh toán việc mua lại 100% cổ phần của MESCO với giá mua 255 tỷ đồng Việt Nam. Tuy nhiên tại ngày này, Công ty chưa kiểm soát MESCO, do vậy khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư dài hạn khác.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103000069 của MESCO, MESCO là một công ty cổ phần có vốn điều lệ là 3.300.000 ngàn đồng Việt Nam (tương ứng 33.000 cổ phần). Hai cổ đông chính của MESCO là ông Nguyễn Thế Lam và ông Đinh Ngọc Thanh lần lượt nắm giữ 53% và 35% cổ phần của MESCO.

(iii) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	-	-
- Dự phòng giảm giá cổ phiếu đầu tư vào Sacombank	12.745.458	-
Tại ngày 31 tháng 12	12.745.458	-

Giá trị thị trường của cổ phiếu Sacombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và tại ngày của báo cáo này lần lượt là 18.400 đồng Việt Nam và 36.400 đồng Việt Nam một cổ phiếu.

5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	2008	2007
	1.000 đồng	1.000 đồng
Phải thu bên thứ ba (*)	339.167.247	249.942.070
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 32(b)(i))	3.696.548	-
	<u>342.863.795</u>	<u>249.942.070</u>

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, những khoản trả trước cho nhà nhà cung cấp trọng yếu bao gồm:

	1.000 đồng	Mục đích
Công ty TNHH Ô Tô Hòa Bình	53.721.093	Trả trước tiền mua 283 xe Carnival
Công ty TNHH Thăng Long	49.600.000	Góp vốn hợp tác đầu tư dự án tại 541 Nguyễn Văn Cừ Long Biên, Hà Nội (Thuyết minh số 35)
La Khách Nguyễn Kinh Luân- Nguyễn Thị Hà	16.500.000	Trả trước tiền mua đất căn cứ theo hợp đồng số HD10/07-HDCN ngày 26 tháng 12 năm 2007
Liebherr – Werk Nenzing GMBH	2.127.955	Mua máy móc thiết bị
Công ty CP VTTB & XDCT 624	2.101.645	Trả trước tiền xây dựng dự án Khu dân cư Hòa Thuận Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
Bà Bành Thị Hồng	<u>2.000.000</u>	Trả trước tiền mua đất

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	2008	2007
	1.000 đồng	1.000 đồng
Trả cho nhân viên	146.835	-
Phải thu khác từ bên thứ ba (*)	52.295.168	22.973.971
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh 32(b)(ii))	1.220.466	-
	<u>53.662.469</u>	<u>22.973.971</u>

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(*) Những khoản phải thu từ bên thứ ba trọng yếu bao gồm:

Bên thứ ba	1.000 đồng	
Công ty Đầu Tư & Phát Triển Kỳ Hà		
Chu Lai Quảng Nam (Kỳ Hà)	29.946.312	(i)
Bà Võ Thị Mượng	8.500.000	(ii)
Ông Nguyễn Xuân Tuấn	6.000.000	(iii)

(i) Kỳ Hà, một doanh nghiệp nhà nước tọa lạc tại Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam, có Tổng giám đốc là một thành viên trong ban quản lý của Khu kinh tế mở.

Ngày 24 tháng 11 năm 2008, Công ty và Kỳ Hà đã ký một Biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư trong giai đoạn từ năm 2009, đến năm 2012 theo đó Công ty và Kỳ Hà tiến hành những dự án sau tại khu kinh tế mở Chu Lai, Tỉnh Quảng Nam với các nội dung sau:

- Đầu tư phát triển hạ tầng Khu công nghiệp;
- Đầu tư cảng trung chuyển container tại Khu công nghiệp Tam Hiệp; và
- Đầu tư phát triển hạ tầng khu đô thị mới.

Theo thỏa thuận này, số tiền đã ứng trước Kỳ Hà năm 2007 là 29.946.312 ngàn đồng Việt Nam sẽ được góp như là một phần vốn đầu tư của Công ty vào dự án này.

(ii) Các khoản cho vay không đảm bảo, không tính lãi suất và sẽ được hoàn trả trong năm 2009.

8 HÀNG TỒN KHO

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Hàng mua đang đi trên đường	2.789.723	77.235.503
Nguyên vật liệu tồn kho	667.308.710	381.622.867
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.172.453	304.897
Chi phí SXKD dở dang	14.363.484	4.251.247
Thành phẩm tồn kho	406.068.949	168.182.875
Hàng hóa	165.012.203	249.723.962
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(25.743.061)	-
	1.230.972.461	881.321.351

(*) Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	-	-
Dự phòng trong năm (Thuyết minh 26)	25.743.061	-
	25.743.061	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 – DN

9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	2008	2007
	1.000 đồng	1.000 đồng
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	6.664.170	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	749.468	186.898
	<u>7.413.638</u>	<u>186.898</u>

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc 1.000 đồng	Máy móc thiết bị 1.000 đồng	Phương tiện vận tải 1.000 đồng	Thiết bị văn phòng 1.000 đồng	TSCĐ hữu hình khác 1.000 đồng	Tổng cộng 1.000 đồng
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	173.046.426	152.579.616	65.507.237	4.604.278	512.621	396.250.178
Phân loại lại số dư đầu kỳ	(1.482.145)	1.309.389	360.573	312.827	(500.644)	-
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008 sau khi đã phân loại lại	171.564.281	153.889.005	65.867.810	4.917.105	11.977	396.250.178
Mua sắm mới	71.856.993	36.456.681	38.788.043	2.593.241	196.523	149.891.481
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh số 10(c))	135.974.562	370.029.801	89.958.104	325.488	291.066	596.579.021
Tăng do hợp nhất kinh doanh	32.462.357	25.661.013	3.655.385	403.944	26.000	62.208.699
Thanh lý	(2.141.536)	(9.089.974)	(6.942.593)	(1.495.105)	(233.154)	(19.902.362)
Các khoản điều chỉnh khác	(3.512.372)	4.653.712	(975.156)	(52.339)	(26.000)	87.845
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	406.204.285	581.600.238	190.351.593	6.692.334	266.412	1.185.114.862
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	24.481.200	55.126.075	11.685.649	2.596.932	-	93.889.856
Phân loại lại số dư đầu kỳ	(208.666)	76.779	(92.688)	215.675	8.900	-
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008 sau khi đã phân loại lại	24.272.534	55.202.854	11.592.961	2.812.607	8.900	93.889.856
Khấu hao trong năm	18.883.147	44.264.653	14.404.612	1.161.798	58.357	78.772.567
Tăng do hợp nhất kinh doanh	5.650.097	4.942.796	579.824	113.799	-	11.286.516
Thanh lý	(282.717)	(2.653.216)	(2.147.479)	(930.968)	(40.139)	(6.054.519)
Các khoản điều chỉnh khác	(1.599.487)	457.843	(152.211)	(89.252)	-	(1.383.107)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	46.923.574	102.214.930	24.277.707	3.067.984	27.118	176.511.313
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	147.291.747	98.686.151	54.274.849	2.104.498	3.077	302.360.322
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	359.280.711	479.385.308	166.073.886	3.624.350	239.294	1.008.603.549

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 15.485.943 ngàn đồng Việt Nam (năm 2007: 12.886.192 ngàn đồng Việt Nam).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 tài sản cố định hữu hình với tổng giá trị còn lại là 204.429.020 ngàn đồng Việt Nam (2007: 224.875.690 ngàn đồng Việt Nam) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn.

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất 1.000 đồng	Phần mềm máy tính 1.000 đồng	Bảng phát minh sáng chế 1.000 đồng	Tổng cộng 1.000 đồng
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	82.948.072	193.026	-	83.141.098
Phân loại lại số dư đầu kỳ	202.109.378	-	-	202.109.378
<hr/>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008 sau khi phân loại lại	285.057.450	193.026	-	285.250.476
Mua sắm mới	14.610.000	45.265	223.520	14.878.785
Chuyển từ công trình xây dựng dở dang	117.140.178	-	-	117.140.178
Thanh lý	-	(15.862)	-	(15.862)
Các điều chỉnh khác	5.631.699	-	-	5.631.699
<hr/>				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	422.439.327	222.429	223.520	422.885.276
<hr/>				
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	3.581.344	16.086	-	3.597.430
Khấu hao trong năm	1.208.367	116.171	37.254	1.361.792
Thanh lý	-	(4.957)	-	(4.957)
Các điều chỉnh khác	(23.886)	-	-	(23.886)
<hr/>				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	4.765.825	127.300	37.254	4.930.379
<hr/>				
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	281.476.106	176.940	-	281.653.046
<hr/>				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	417.673.502	95.129	186.266	417.954.897
<hr/>				

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 tài sản cố định vô hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 170.309.176 ngàn đồng Việt Nam đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Tập đoàn vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn.

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**(b) Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 Công ty đã ủy quyền cho những cá nhân sau đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty như sau:

- Bà Viên Diệu Hoa là thành viên Hội Đồng Quản Trị đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A829320, ngày 18 tháng 10 năm 1996 tại 36C11 Ấp 3C, Quốc Lộ 1A, Huyện Bình Chánh với tổng nguyên giá là 19.000.000 ngàn đồng;
- Ông Đỗ Hoài Nam là nhân viên phòng Hành Chánh Nhân Sự đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK895078, ngày 29 tháng 8 năm 2007 tại KP2, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang với tổng nguyên giá 150.000 ngàn đồng;
- Ông Phạm Đăng Châu là Giám Đốc Kinh Doanh của Cty TNHH MTV Vận tải – Giao nhận – Phân phối Ô tô Chu Lai Trường Hải đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK291918, ngày 28 tháng 9 năm 2007, tại Thửa 648, Ấp Tân Thuận An, Xã Tân Ngãi, Vĩnh Long với tổng nguyên giá là 1.347.544 ngàn đồng; và
- Ông Trương Hoàng Chương là Giám Đốc Chi Nhánh An Sương đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK291917, ngày 28 tháng 9 năm 2007, tại Thửa 647, Ấp Tân Thuận An, Xã Tân Ngãi, Vĩnh Long với tổng nguyên giá là 1.350.252 ngàn đồng.

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	403.973.865	225.187.068
Tăng	621.842.824	387.341.770
Giảm:		
- Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 10(a))	(596.579.021)	(6.445.595)
- Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh số 10(b))	(117.140.178)	(202.109.378)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(997.881)	-
- Khác	(14.759.683)	-
Tại ngày 31 tháng 12	296.339.926	403.973.865

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)

Chi tiết các dự án chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	1.000 đồng	Mục đích của dự án
Chi phí xây dựng dự án SX khung gầm và thùng xe Chu Lai – Trường Hải	115.456.432	Xây dựng nhà máy sản xuất khung gầm và thùng xe ô tô tại khu kinh tế mở Chu Lai, Quảng Nam
Chi phí xây dựng nhà máy sản xuất ô tô Chu Lai Trường Hải	59.422.326	Xây dựng nhà máy sản xuất ô tô Chu Lai Trường Hải tại khu kinh tế mở tỉnh Quảng Nam
Chi phí xây dựng dự án Cty Kho và bãi xe - Đà Tư	35.315.589	Xây dựng kho xe trung chuyển, giao nhận và phân phối cho khu vực Bắc Bộ, tại khu công nghiệp Đà Tư, Hà Nội
Chi phí xây dựng dự án Đà Tư 2	27.633.040	Xây dựng và mở rộng xưởng sản xuất cơ khí cho công ty Chuyên Dụng Bắc Bộ, tại KCN Đà Tư, Hà Nội
Dự án nhà máy	6.376.190	Xây dựng nhà máy sản xuất khung gầm và thùng xe ô tô cho Chu Lai Trường Hải
Chi phí xây dựng Showroom Showroom Cẩm Giá	5.752.903	Xây dựng trung tâm thương mại cho Công ty Thái Nguyên
Chi phí xây dựng dự án Bắc Ninh	3.929.290	Xây dựng trung tâm thương mại và siêu thị ô tô tại Phường Đại Phúc, Tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh
Chi phí xây dựng dự án Hòa Thuận	3.791.369	Xây dựng khu liên hợp nhà ở tại Hòa Thuận, Tam kỳ, Quảng Nam
Chi phí xây dựng dự án Phan Thiết	3.512.018	Xây dựng Showroom bán hàng tại Phan Thiết
Chi phí xây dựng dự án showroom Đức Trọng - Lâm Đồng	3.073.079	Xây dựng Showroom bán hàng tại Đức Trọng, Lâm Đồng

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	38.170.319	5.947.372
Tăng trong năm	38.251.647	69.487.575
Phân bổ trong năm	(52.220.922)	(37.264.628)
Tại ngày 31 tháng 12	24.201.044	38.170.319

Trả trước dài hạn ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm những mục sau:

	1.000 đồng
Công cụ, dụng cụ	7.239.423
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	11.914.930
Chi phí bảo trì và sửa chữa lớn	4.283.777
Các chi phí khác	762.914
	24.201.044

12 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Diệu Bằng. Chi tiết như sau:

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	-	-
Tăng	30.121.600	-
Khấu hao trong năm	(1.757.093)	-
	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12	28.364.507	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Trong tháng 5 năm 2008, Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng vốn với chủ sở hữu Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Diệu Bằng để mua 100% vốn điều lệ của công ty này với tổng số tiền là 32.000.000 ngàn đồng Việt Nam. Giá trị số sách tài sản thuần của Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Diệu Bằng tại ngày mua là 1.878.400 ngàn đồng Việt Nam.

Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Diệu Bằng có quyền sử dụng 6.293 m² đất, đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thời gian 50 năm. Tuy nhiên, sổ sách kế toán không ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất bởi vì tiền thuê đất được trả hàng năm. Theo biên bản định giá tài sản của Công ty thẩm định giá Miền Nam ngày 12 tháng 2 năm 2009 thì giá thị trường của lô đất là 32.723.600 ngàn đồng Việt Nam tại thời điểm mua. Giá trị định giá lại này đã không được đưa vào bảng tính lợi thế thương mại bởi không tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

13 CÁC KHOẢN VAY**(a) Khoản vay ngắn hạn**

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (i)	762.517.156	914.975.433
Khoản vay cá nhân (ii)	142.000.000	-
Khoản vay dài hạn đến hạn trả	31.662.944	-
	<hr/>	<hr/>
	936.180.100	914.975.433
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

13 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(a) Khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

(i) Tập đoàn có các hợp đồng vay ngắn hạn từ các ngân hàng trong nước để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Công ty con	Ngân hàng cho vay	Hạn mức tín dụng Triệu đồng	Thời hạn trả	Mức lãi suất	Khoản nợ tại ngày 31 tháng 12 Triệu đồng	Tài sản thế chấp
Công ty TNHH SX&LR Ô tô Chu Lai Trường Hải	Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Tỉnh Quảng Nam	1.000.000	9 tháng từ ngày khế ước	Lãi suất bình quân cho các khoản vay Việt Nam đồng và đô la Mỹ lần lượt là 0,78%/tháng và 0,72%/tháng	611.046	Tổng giá trị tài sản cố định cầm cố thế chấp là 210.000 triệu đồng, và tổng giá trị hàng tồn kho cầm cố thế chấp là 401.046 triệu đồng
Công ty TNHH SX&LR Ô tô Chu Lai Trường Hải	Ngân hàng Sacombank chi nhánh Tỉnh Quảng Nam	200.000	6 tháng từ ngày khế ước	0,72%/tháng	23.659	Tổng giá trị hàng tồn kho cầm cố thế chấp là 23.659 triệu đồng
Công ty TNHH SX&LR Ô tô Chu Lai Trường Hải	Ngân hàng VietInbank chi nhánh Tỉnh Quảng Nam	100.000	9 tháng từ ngày khế ước	0,71%/tháng	41.155	Tổng giá trị hàng tồn kho cầm cố thế chấp là 41.155 triệu đồng
Công ty TNHH SX&LR Ô tô Du Lịch Trường Hải Kía	Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Tỉnh Quảng Nam	320.000	6 tháng, 9 tháng và 1 năm từ ngày khế ước	0,555%/tháng	21.693	Tổng giá trị tài sản cố định cầm cố thế chấp là 10.695 triệu đồng, và tổng giá trị hàng tồn kho cầm cố thế chấp là 10.998 triệu đồng
Công ty TNHH MTV Vận Tải-Giao Nhận-Phân Phối Ô tô Chu Lai Trường Hải	Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Tỉnh Quảng Nam	28.577	6 tháng từ ngày khế ước	0,55%/tháng	28.577	Nợ không đảm bảo
Công ty TNHH SX&LR Ô tô Chu Lai Trường Hải	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Tỉnh Quảng Nam	36.387	6 tháng từ ngày khế ước	0,55%/tháng	36.387	Tổng giá trị hàng tồn kho cầm cố thế chấp là 36.387 triệu đồng
					762.517	

(ii) Thể hiện khoản vay không có tài sản bảo đảm và không chịu lãi suất từ Ông Nguyễn Thế Lam. Khoản vay này được sử dụng để tài trợ cho việc đầu tư vào MESCO – Thuyết minh số 4(b) và sẽ được hoàn trả trong tháng 9 năm 2009.

13 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Khoản vay dài hạn

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Khoản vay dài hạn (*)	100.967.662	104.026.877
Trừ: Khoản vay dài hạn đến hạn trả	(31.662.944)	-
	69.304.718	104.026.877

(*) Là những khoản vay dài hạn và trung hạn từ Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Tỉnh Quảng Nam cấp cho các công ty con. Chi tiết tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

Do Công ty TNHH SX&LR Ô tô Chu Lai Trường Hải vay	(i)	31.662.944
Do Công ty TNHH SX&LR Ô tô Du Lịch Trường Hải Kia vay	(ii)	68.664.180
Do Công ty TNHH Vận tải Chu Lai – Trường Hải vay	(iii)	640.538
Tổng cộng các khoản vay dài hạn		100.967.662
Trừ: Khoản vay dài hạn đến hạn trả		(31.662.944)
		69.304.718

- (i) Khoản vay có hạn mức 150 tỷ đồng Việt Nam vay trong năm 2004 để tài trợ cho việc xây dựng nhà máy của Công ty TNHH SX&LR Ô tô Chu Lai Trường Hải. Khoản vay chịu lãi suất 13,68%/năm và được hoàn trả trong 54 tháng từ ngày rút vốn với 6 tháng ân hạn. Khoản vay đã được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay có hạn mức 100 tỷ đồng Việt Nam vay trong tháng 3 năm 2008 để tài trợ cho việc xây dựng nhà máy của Công ty TNHH SX&LR Ô tô Du Lịch Trường Hải Kia. Khoản vay chịu lãi suất 0,7%/tháng và hoàn trả trong vòng 36 tháng kể từ ngày rút vốn với 6 tháng ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay có hạn mức 225.947 đô la Mỹ vay trong năm 2006 để tài trợ cho việc mua container. Khoản vay chịu lãi suất 7,56%/tháng và hoàn trả trong 48 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Các bên thứ ba	194.179.717	184.610.421
Các bên liên quan (Thuyết minh 32(b)(iii))	44.389	-
Tổng cộng	194.224.106	184.610.421

15 DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đây là dịch vụ bảo trì, sửa chữa những xe đã bán trong năm 2008.

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Thuế GTGT hàng bán nội địa	17.971.043	6.620.216
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	4.724.141	18.346.653
Thuế tiêu thụ đặc biệt	13.461.156	11.206.414
Thuế xuất, nhập khẩu	13.886.402	38.563.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.707.016	2.627.488
Thuế thu nhập cá nhân	204.294	60.099
Các loại thuế khác	15.368	2.423.933
	<u>56.969.420</u>	<u>79.848.188</u>

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Tiền lãi	1.127.371	1.205.476
Lương và các chi phí liên quan	6.411.484	118.852
Chi phí quảng cáo	1.618.236	245.500
Chi phí chuyên gia	885.536	48.342
Chi phí giao nhận	865.648	2.583.612
Chi phí tiện ích	305.258	28.468
Chi phí bảo hiểm	1.025.573	393.497
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	4.340.928	10.643.642
Chi phí bảo hành	516.212	1.386.203
Các chi phí khác	4.289.422	2.677.933
	<u>21.385.668</u>	<u>19.331.525</u>

18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Phải trả cho khu đất giải tỏa cho Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp Mở Chu Lai, Tỉnh Quảng Nam	22.360.583	-
Cổ tức phải trả	10.717.125	23.960.402
Doanh thu chưa thực hiện	1.239.319	633.310
Các tài sản tồn đọng chờ xử lý	491.946	126.598
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	400.498	322.783
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh 32(b)(iv))	1.521.466	-
Các khoản phải trả khác	2.357.204	52.521.555
	<u>39.088.141</u>	<u>77.564.648</u>

19 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chuyển lỗ tính thuế tới chừng mực có khả năng thực hiện được các lợi ích về thuế đối với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

Các khoản chuyển lỗ tính thuế của Công ty có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Khoản lỗ tính thuế thực tế nào có thể được chuyển qua các năm sau thì phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo. Các khoản lỗ tính thuế ước tính đang được các công ty con ghi nhận có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của các công ty con như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Khoản lỗ thuế 1.000 đồng
2006	Chưa quyết toán	1.360.808
2007	Chưa quyết toán	2.470.915
2008	Chưa quyết toán	12.885.290

Các công ty con và Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ tính thuế có thể được mang qua các năm sau như nêu ở trên vì khả năng có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá hiện nay là không khả thi.

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2008		2007	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	96.280.000	-	68.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	94.039.561	-	68.000.000	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết về cơ cấu vốn góp của chủ sở hữu của Công ty như sau:

	Nhà đầu tư trong nước		Nhà đầu tư nước ngoài		Tổng cộng Số cổ phiếu phổ thông
	Số		Số		
	cổ phiếu phổ thông	Tỉ lệ nắm giữ (%)	cổ phiếu phổ thông	Tỉ lệ nắm giữ (%)	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	45.000.000	100,00	-	0,00	45.000.000
Tăng trong năm	20.726.460	90,12	2.273.540	9,88	23.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	65.726.460	96,66	2.273.540	3,34	68.000.000
Tăng trong năm	6.605.979	25,37	19.433.582	74,63	26.039.561
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	72.332.439	76,92	21.707.122	23,08	94.039.561

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng Việt Nam trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 - DN

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(c) Tình hình biến động của vốn góp

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông 1.000 đồng	Cổ phiếu ưu đãi 1.000 đồng	Tổng cộng 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	45.000.000	450.000.000	-	450.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	23.000.000	230.000.000	-	230.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	68.000.000	680.000.000	-	680.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	26.039.561	260.395.610	-	260.395.610
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	94.039.561	940.395.610	-	940.395.610

Danh sách các cổ đông nắm giữ cổ phần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm:

Cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị 1.000 đồng	%
Ông Trần Bá Dương	44.063.664	440.636.640	46,86
Jardine Cycle & Carriage Limited	19.256.297	192.562.970	20,48
Bà Viên Diệu Hoa	13.230.000	132.300.000	14,07
Ông Trần Bá Hùng	4.961.250	49.612.500	5,28
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	3.499.485	34.994.849	3,72
PCA International Funds SPC	1.753.834	17.538.343	1,86
Cty TNHH Một thành viên Chứng Khoán Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín	1.432.632	14.326.323	1,52
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential	824.452	8.244.516	0,88
The Blackhorse Enhanced Vietnam INC	696.991	6.969.909	0,74
Các cổ đông khác	4.320.956	43.209.560	4,59
Tổng cộng	94.039.561	940.395.610	100,00

Sau ngày lập bảng cân đối kế toán, Ông Trần Bá Dương đã mua lại cổ phần của Blackhorse Enhanced Vietnam INC, rồi sau đó, ông đã chuyển nhượng các cổ phần này cho Công ty TNHH Jardine Cycle & Carriage. Công ty TNHH Jardine Cycle & Carriage đã mua cổ phần của Sacombank. Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Trân Oanh, một công ty do Ông Trần Bá Dương kiểm soát đã mua lại cổ phần của Cty TNHH Một thành viên Chứng Khoán Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín.

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn chủ sở hữu 1.000 đồng	Thặng dư vốn cổ phần 1.000 đồng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 1.000 đồng	Tổng cộng 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	450.000.000	-	24.147.059	474.147.059
Vốn tăng trong năm	230.000.000	373.500.000	-	603.500.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.631.579)	(6.631.579)
Chia cổ tức	-	-	(85.548.767)	(85.548.767)
Các khoản tăng khác	-	-	897.534	897.534
Lợi nhuận trong năm, theo báo cáo trước đây	-	-	244.820.872	244.820.872
Trình bày lại năm trước - Thuyết minh 2.3	-	-	(5.902.850)	(5.902.850)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, trình bày lại	680.000.000	373.500.000	171.782.269	1.225.282.269
Vốn tăng trong năm	260.395.610	1.108.735.836	-	1.369.131.446
Lợi nhuận trong năm	-	-	208.348.665	208.348.665
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(25.652.537)	(25.652.537)
Chia cổ tức	-	-	(163.590.892)	(163.590.892)
Các khoản giảm khác	-	-	(1.749.703)	(1.749.703)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	<u>940.395.610</u>	<u>1.482.235.836</u>	<u>189.137.802</u>	<u>2.611.769.248</u>

Vốn tăng trong năm bao gồm chuyển đổi cổ tức thành cổ phiếu trị giá 63.290.668 ngàn đồng Việt Nam (Thuyết minh số 19).

Tại Đại hội Cổ đông Thường niên tổ chức ngày 29 tháng 4 năm 2009, Hội đồng Quản trị đã công bố chia cổ tức 188.080 triệu đồng Việt Nam từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

22 CỔ TỨC PHẢI TRẢ

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	8.559.015	-
Cổ tức được công bố trong năm (Thuyết minh 32(iv))	163.590.892	85.548.767
Cổ tức đã chi trả trong năm:		
- Chi trả bằng cổ phiếu	(63.290.668)	-
- Chi trả bằng tiền	(106.858.494)	(76.989.752)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>2.000.745</u>	<u>8.559.015</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 - DN

23 QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	(241.467)	(680.456)
Tặng trong năm Thuyết minh 21	25.652.537	6.631.579
Chi trả	(7.494.525)	(6.192.590)
	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12	<u>17.916.545</u>	<u>(241.467)</u>

24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm cổ phiếu mà Công ty mua lại và nắm giữ như là cổ phiếu quỹ.

	2008	2007
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (Ngàn đồng Việt Nam)	208.348.665	238.918.022
Số lượng cổ phiếu bình quân đang phát hành (cổ phiếu)	80.757.827	50.129.278
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Việt Nam đồng)	2.580	4.766

25 DOANH THU

(a) Doanh thu thuần

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Doanh thu		
Doanh thu bán xe	3.748.210.673	2.537.188.711
Doanh thu bán phụ tùng	253.015.732	142.934.800
Doanh thu dịch vụ	86.551.555	7.893.649
	<hr/>	<hr/>
	<u>4.087.777.960</u>	<u>2.688.017.160</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(1.033.198)	-
Khác	(6.893)	-
Hàng bán bị trả lại	(30.325.562)	(24.575.858)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(47.326.080)	-
	<hr/>	<hr/>
	<u>(78.691.733)</u>	<u>(24.575.858)</u>
	<hr/>	<hr/>
	<u>4.009.086.227</u>	<u>2.663.441.302</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 - DN

25 DOANH THU (tiếp theo)

(b) Doanh thu từ hoạt động tài chính

	2008	2007
	1.000 đồng	1.000 đồng
Lãi tiền gửi	5.907.136	5.299.566
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.025.550	387.000
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.405.758	440.055
Các thu nhập tài chính khác	16.104	-
	<u>18.354.548</u>	<u>6.126.621</u>

26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2008	2007
	1.000 đồng	1.000 đồng
Giá vốn bán xe	2.969.462.673	2.037.046.381
Giá vốn bán phụ tùng	247.908.436	134.550.491
Giá vốn dịch vụ	94.444.441	5.999.180
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	25.743.061	-
	<u>3.337.558.611</u>	<u>2.177.596.052</u>

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2008	2007
	1.000 đồng	1.000 đồng
Chi phí lãi vay	125.253.156	75.194.206
Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái	56.612.220	4.059.576
Lỗ do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	22.467.564	-
Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con	12.745.458	-
Khác	103.039	-
	<u>217.181.437</u>	<u>79.253.782</u>

28 CHI PHÍ BÁN HÀNG

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí bán hàng:

	2008	2007
	1.000 đồng	1.000 đồng
Khấu hao tài sản cố định	15.336.703	4.136.234
Chi phí nhân viên	20.847.878	10.147.856
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	48.415.777	18.361.499
	<u>84.599.358</u>	<u>32.645.589</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 - DN

29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	8.505.368	4.670.779
Chi phí nhân viên	25.528.015	9.155.646
Dự phòng nợ khó đòi	1.386.081	-
Phân bổ lợi thế thương mại - Thuyết minh 12	1.757.093	-
	<u> </u>	<u> </u>

30 THU NHẬP KHÁC

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	5.201.320	-
Thu nhập khác	22.933.794	22.682.150
	<u> </u>	<u> </u>
	28.135.114	22.682.150
	<u> </u>	<u> </u>

Chi phí khác

Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(5.108.595)	-
Chi phí khác	(13.799.296)	(19.462.253)
	<u> </u>	<u> </u>
	(18.907.891)	(19.462.253)
	<u> </u>	<u> </u>
Thu nhập khác – Số thuần	9.227.223	3.219.897
	<u> </u>	<u> </u>

31 THUẾ

Thuế trên lợi nhuận chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với số thuế khi được tính theo thuế suất hiện hành áp dụng cho Công ty và các công ty con, như sau:

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Lợi nhuận kế toán trước thuế	225.909.120	270.054.316
	<u> </u>	<u> </u>
Thuế tính theo các mức thuế suất tương ứng	64.985.533	76.834.733
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(55.953.819)	(67.566.961)
Chi phí không được khấu trừ	1.276.987	597.394
Ghi nhận lỗ thuế của các năm trước	(112.738)	-
Chênh lệch thừa các năm trước	(746.816)	-
	<u> </u>	<u> </u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	9.449.147	9.865.166
	<u> </u>	<u> </u>

32 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Công ty Liên Doanh Việt-CNA	3.496.315	-

ii) Mua bán hàng hóa và dịch vụ

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Công ty Liên Doanh Việt-CNA	179.770	-

iii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Hội đồng Quản trị	270.000	-
Ban kiểm soát	515.000	-
Ban Tổng Giám đốc	1.138.387	731.368
	<u>1.923.387</u>	<u>731.368</u>

iv) Các hoạt động tài chính

Cổ tức của năm 2007 công bố chi trả cho các cổ đông trong năm 2008 như sau:

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Ông Trần Bá Dương	107.630.437	59.566.322
Bà Viên Diệu Hoa	31.775.000	16.769.620
Ông Trần Bá Hùng	11.915.625	4.612.500
Bà Trần Thị Bạch Tuyết	2.383.125	922.500
Ông Nguyễn Thạch Ngọc	1.588.750	615.000
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	2.570.027	994.849
PCA International Funds SPC	663.175	256.713
The BlackHorse Enhanced Vietnam Inc	417.688	169.907
Khác	4.647.065	1.641.356
	<u>163.590.892</u>	<u>85.548.767</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 - DN

32 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

i) Phải thu khách hàng (Thuyết minh 5)

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Công ty Liên Doanh Việt-CNA	3.696.548	-

ii) Các khoản phải thu khác (Thuyết minh 7)

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Công ty Liên Doanh Việt-CNA	1.220.466	-

iii) Các khoản phải trả người bán (Thuyết minh 14)

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Công ty Liên Doanh Việt-CNA	44.389	-

iv) Các khoản phải trả khác (Thuyết minh 18)

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Công ty TNHH An Lạc	274.000	-
Công ty TNHH Phan Thiết Trường Hải	1.247.466	-
	<u>1.521.466</u>	<u>-</u>

33 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, cho thuê văn phòng, showroom Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Dưới 1 năm	4.860.853	1.303.105
Từ 1 đến 5 năm	3.828.209	1.316.197
Trên 5 năm	892.160	1.050.724
	<hr/>	<hr/>
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>9.581.222</u>	<u>3.670.026</u>

34 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu mua sắm và xây dựng tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	2008 1.000 đồng	2007 1.000 đồng
Nhà xưởng, showroom, máy móc và thiết bị	52.737.415	119.441.000
	<hr/>	<hr/>

35 CAM KẾT HỢP TÁC ĐẦU TƯ

Ngày 28 tháng 8 năm 2008, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Thăng Long về việc hợp tác đầu tư xây dựng dự án và khai thác kinh doanh "Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và căn hộ cao cấp" tại địa chỉ Số 541 Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội.

Hai bên xác định giá trị đầu tư ban đầu là 62 tỷ đồng với tỷ lệ góp vốn thỏa thuận như sau:

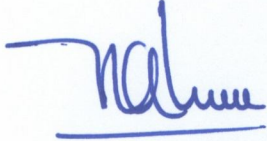
	Tỷ lệ %	1.000 đồng
Công ty TNHH Thăng Long	10	6.200.000
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	90	55.800.000
	<hr/>	<hr/>
	100	62.000.000
	<hr/>	<hr/>

Theo thỏa thuận đầu tư, công ty TNHH Thăng Long chịu trách nhiệm tiến hành những thủ tục pháp lý liên quan để thành lập ra công ty mới. Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã chuyển tiền góp vốn là 49,6 tỷ đồng theo đúng như tiến độ góp vốn. Tuy nhiên Công ty TNHH Thăng Long chưa xin được giấy phép thành lập công ty nên khoản tiền mà Công ty đã trả trước cho Thăng Long được ghi nhận là khoản trả trước cho người bán (Thuyết minh số 6).

36 CÁC SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất được phân loại lại để phù hợp với năm hiện tại.

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 31 tháng 7 năm 2009.



Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Tổng Giám đốc

